

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về công tác chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các chi cục và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3808/QĐ-BNN-TCCB ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Chuyển giao các Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật từ trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố quản lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 30/TTr-SNN ngày 11 tháng 3 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về công tác chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN5.

*u*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hòa**



## **QUY CHẾ**

**Quy chế phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa  
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện,  
thành phố Kon Tum về công tác chăn nuôi và thú y, trồng trọt  
và bảo vệ thực vật, khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kon Tum**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định trách nhiệm về quản lý nhà nước, mối quan hệ trong phối hợp chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ, cung cấp dịch vụ công và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*Ủy ban nhân dân cấp huyện*) về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y (*bao gồm cả thú y trên cạn và thú y thủy sản*), khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế), Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Công chức, viên chức trong các tổ chức ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh, cấp huyện; nhân viên kỹ thuật nông nghiệp công tác trên địa bàn cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Các đơn vị, tổ chức ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh" trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Khuyến nông tỉnh.

2. "Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, cấp xã" là: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế), Trung tâm Dịch vụ nông



nghiệp; Ban Chỉ huy quân sự; Công an; các cơ quan: Thanh tra, Tài nguyên và Môi trường, Quản lý thị trường, Văn hóa Thông tin, Thống kê; các tổ chức đoàn thể; lực lượng dân quân tự vệ và các tổ chức khác có liên quan.

3. "Hai bên" là: Một bên là Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, một bên là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG THỨC TRONG CÔNG TÁC**

#### **Điều 4. Nội dung trong quản lý, phối hợp**

1. Triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan và các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông tại địa phương.

2. Tham mưu, xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh, Chính phủ.

3. Triển khai phối hợp thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông trên địa bàn cấp huyện.

4. Phối hợp phát hiện những vấn đề mới phát sinh, những bất cập trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới cho phù hợp.

#### **Điều 5. Nguyên tắc phối hợp công tác**

1. Quy chế này không phát sinh mới về chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên, mà chỉ cụ thể hóa, nhấn mạnh những nội dung cần phối hợp để tăng cường, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của mỗi bên đối với lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông.

2. Đảm bảo tính kịp thời, thống nhất giữa quản lý ngành, lĩnh vực từ tỉnh tới cơ sở gắn với việc quản lý theo địa bàn lãnh thổ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự giải quyết công việc được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

4. Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



5. Phối hợp công tác, trao đổi thông tin, báo cáo theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

### **Điều 6. Phương thức phối hợp khi giải quyết công việc cụ thể**

1. Khi giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng có liên quan trực tiếp tới thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì hội nghị, mời lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có liên quan tham dự, cùng thảo luận, thống nhất giải quyết.

Trường hợp, các công việc giải quyết có liên quan trực tiếp đến trách nhiệm, thuộc thẩm quyền của từng đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn cấp huyện, thì Thủ trưởng của các tổ chức này báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì hội nghị, mời các đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng thảo luận, thống nhất giải quyết. Nếu nội dung phối hợp giải quyết vượt thẩm quyền của hai bên, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo đúng quy định.

2. Phương thức chủ trì, phối hợp:

a) Phương thức chủ trì: Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức họp có trách nhiệm mời các cơ quan, đơn vị có liên quan dự họp để thảo luận, giải quyết hoặc xin ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan bằng văn bản.

b) Trách nhiệm trong phối hợp: Cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan khi được mời họp phải có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến tại cuộc họp hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của bên tổ chức chủ trì.

## **Chương III**

### **TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ GIỮA CÁC BÊN**

#### **Mục 1. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Điều 7. Trách nhiệm trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật**

1. Trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật (*bao gồm cả thú y trên cạn và thú y thủy sản*). Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm hằng năm trên địa bàn tỉnh, phòng chống dịch hại trên cây trồng; kế hoạch tài chính hàng năm phục vụ phòng, chống dịch cho vật nuôi và thủy sản, phòng chống dịch hại trên cây



trồng. Tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền công bố dịch và hết dịch tại các địa phương trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật đã được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật.

4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện giám sát, kiểm tra, xác minh dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản; chỉ đạo phòng chống dịch, thực hiện công bố dịch, công bố hết dịch hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch, công bố hết dịch theo quy định và thẩm quyền phân công, phân cấp. Xây dựng cơ sở vùng an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh, điều động, hỗ trợ lực lượng chuyên môn thú y, bảo vệ thực vật khi có dịch bệnh phát sinh trên địa bàn các huyện, thành phố.

5. Phối hợp với các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động giết mổ, kinh doanh gia súc, gia cầm trên địa bàn. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng được phân công làm công tác kiểm soát giết mổ trên địa bàn các huyện, thành phố; kiểm tra, phân loại các cơ sở giết mổ động vật và cấp chứng nhận cơ sở giết mổ động vật đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra để phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh, giết mổ trái quy định. Xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm theo đúng quy định hiện hành.

6. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật từ các địa phương trong tỉnh; phối hợp với các sở, cơ quan liên quan đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh và các bộ, ngành ở Trung ương tháo gỡ khó khăn, bổ sung, điều chỉnh về cơ chế chính sách, những điểm không phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tạo sự thống nhất, đồng bộ, kịp thời trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật của tỉnh. Hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức chuyên ngành cấp huyện thực hiện tốt dịch vụ công theo quy định.

7. Đôn đốc việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất các nội dung có liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn các địa phương, địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo quy định của Quy chế này.

8. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật trên phạm vi toàn tỉnh.



## **Điều 8. Trách nhiệm trong lĩnh vực khuyến nông**

1. Chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*hoặc Phòng Kinh tế*), Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện thực hiện tốt nội dung chương trình phối hợp.

2. Định kỳ hằng năm, phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai các nội dung của hoạt động khuyến nông cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Hướng dẫn về nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông của địa phương.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, dự án, mô hình nông nghiệp có hiệu quả để tổ chức nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

5. Thực hiện hợp tác quốc tế về khuyến nông theo quy định của pháp luật.

## **Mục 2. TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

**Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông trên địa bàn**

1. Thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong các hoạt động quản lý, chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật; kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm và hằng năm về khuyến nông thuộc địa bàn quản lý để triển khai thực hiện.

4. Quyết định giao nhiệm vụ cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*hoặc Phòng Kinh tế*) và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thực hiện chức năng quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công đối với lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông.

5. Thực hiện phổ biến, tuyên truyền chế độ chính sách và pháp luật có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp tại địa phương. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp trên địa bàn quản lý.

6. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện giám sát, kiểm tra, xác minh dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản; chỉ đạo phòng chống dịch, thực hiện công bố dịch, công bố hết dịch hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch, công bố hết dịch theo quy định và thẩm quyền phân công, phân cấp. Xây dựng cơ sở vùng an toàn dịch bệnh trên địa bàn, chỉ đạo vận động và hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch của tỉnh; chỉ đạo phát triển chăn nuôi; quản lý, sử dụng đất nông nghiệp theo quy định.



7. Tổ chức huy động nhân lực, vật lực, phương tiện, bố trí kinh phí (*hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí*) phục vụ nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản; kinh phí phục vụ phòng, chống dịch hại trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản; kinh phí triển khai các mô hình, dự án khuyến nông theo kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hằng năm.

8. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy hoạch về chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trên địa bàn; thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo thẩm quyền về lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

9. Chỉ đạo các đơn vị, tổ chức có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp. Phối hợp với thanh tra chuyên ngành cấp tỉnh tăng cường công tác thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm về lĩnh vực nông nghiệp tại địa phương.

10. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO, SƠ KẾT, TỔNG KẾT**

#### **Điều 10. Chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết**

1. Quy định về thông tin, phúc đáp thông tin

a) Hai bên thiết lập đường dây nóng và thông báo số điện thoại, fax, email để tiếp nhận các thông tin về thiên tai, dịch bệnh và những nội dung có liên quan đến việc thực hiện Quy chế phối hợp.

b) Ngay sau khi một trong hai bên có thông tin và tiếp nhận thông tin từ phía bên kia phải có trách nhiệm phúc đáp, trả lời bằng điện thoại, văn bản hoặc có kế hoạch phối hợp trực tiếp để cùng bàn bạc, thảo luận tháo gỡ những nội dung, vướng mắc được quy định tại Quy chế này.

2. Quy định về phối hợp trong báo cáo định kỳ, đột xuất

a) Chế độ báo cáo định kỳ: Định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng và 1 năm, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*hoặc Phòng Kinh tế*) chủ trì, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông trên địa bàn tỉnh.



b) Chế độ báo cáo đột xuất: Khi phát hiện có thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, gia súc, gia cầm và thủy sản, các vấn đề phát sinh tại cơ sở có liên quan giữa ngành và địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp tổ chức triển khai kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn.

### 3. Tổ chức sơ kết, tổng kết

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Quy chế; đồng thời lấy ý kiến góp ý để bổ sung, hoàn thiện Quy chế cho phù hợp với thực tiễn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung Quy chế.

Ba (03) năm một lần, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức họp tổng kết đánh giá việc thực hiện Quy chế trên địa bàn cấp tỉnh.

## Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung tại Quy chế này.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị (*Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Khuyến nông*) trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các đơn vị (*Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố*) trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các địa phương, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để cùng thống nhất giải quyết, hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền và xem xét, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa